

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 521/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 21 – 8 – 2024

“V/v ly hôn giữa
bà M và ông P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Anh

2. Ông Lê Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hồ Thị Trúc M, sinh năm 1985, (có mặt).

Nơi cư trú: tổ E, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: Số E, tổ G, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 090. 707. 89. 77

2. Bị đơn: ông Tô Văn P, sinh năm 1981, (vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ E, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 077. 217. 78. 10

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị Trúc M trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2006 bà và ông Tô Văn P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2006, Quyền số 01/2006, ngày 23/10/2006. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ đẻ của bà M thuộc ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, **vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do ông P nhậu nhẹt nhiều, ngày nào cũng nhậu và có quan hệ ngoại tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần bà và mẹ ruột khuyên can nhưng ông P vẫn không thay đổi, vì thương con** bà cố gắng chịu đựng. Tháng 10/2022 mâu thuẫn trầm trọng hơn do ông P chứng nào tật ấy, từ tháng 12/2022 đến nay ông bà ly thân. Khi gửi đơn khởi kiện ly hôn bà có thông báo cho ông P biết và ông P đồng ý ly hôn, nhưng không đến Tòa án, hiện tại ông P đang sống ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay, bà yêu cầu ly hôn ông P.

+ Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Tô Trọng P2, sinh ngày 05/3/2007; Tô Tuyết P3, sinh ngày 05/02/2013, cả 02 con chung bà đang nuôi dưỡng. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản ý kiến cùng ngày 12/7/2024 của cháu P2 và cháu P3 đều có nguyện vọng sống với mẹ.

Chia tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

- Ông Tô Văn P (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông P.

- Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 7 năm 2024 của bà Lê Thị N (mẹ đẻ bà M) cho biết, sau khi cưới bà M, ông P sống chung nhà với bà mười mấy năm. Thời gian sống tại nhà bà, vợ chồng thường xuyên cãi vã do ông P thường xuyên rượu chè và chửi mắng bà M, ông P còn có ngoại tình. Khoảng năm 2017 – 2018 vợ chồng M, P lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống, vợ chồng tiếp tục cãi vã do P vẫn nhậu nhẹt và ngoại tình, bà có liên hệ cho cha mẹ P biết để khuyên ngăn, nhưng ông bà trả lời tùy M quyết định. Nay, M yêu cầu ly hôn P thì bà đề nghị Tòa án cho bà M và ông P ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Hồ Thị Trúc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tô Văn P, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của bà M và ông P là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà

thấy rằng, theo bà M trình bày thì vợ chồng sống không hạnh phúc do ông P nhậ nhệ và có quan hệ ngoại tình, nhiều lần bà khuyên bảo ông P vẫn không thay đổi và vợ chồng có thời gian dài ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ lúc bà M khởi kiện ly hôn đến nay ông P cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà Lê Thị N (mẹ đẻ bà M) cũng nhận thấy bà M yêu cầu ly hôn là do lỗi của ông P. Cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M cho ly hôn giữa bà M và ông P.

[2.2] Về nuôi con chung: bà M yêu cầu nuôi 02 con chung Tô Trọng P2, Tô Tuyết P3. Từ lúc ly thân đến nay bà M nuôi cháu P2 và cháu P3 ổn định và hai cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Tô Trọng P2 và Tô Tuyết P3 cho bà M nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, nhưng bà M không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con là tự nguyện của bà, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 **ông P** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: bà M khai không có và không có yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận bà Hồ Thị Trúc M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Hồ Thị Trúc M và ông Tô Văn P thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, bà M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Trúc M và ông Tô Văn P.

2. Về nuôi con chung: giao 02 người con chung tên Tô Trọng P2, sinh ngày 05/3/2007; Tô Tuyết P3, sinh ngày 05/02/2013 cho bà Hồ Thị Trúc M tiếp tục nuôi, hiện tại bà M đang nuôi dưỡng cháu P2 và cháu P3. Ông Tô Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tô Văn P không trực tiếp nuôi con, ông có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận bà Hồ Thị Trúc M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Hồ Thị Trúc M và ông Tô Văn P thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Hồ Thị Trúc M phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006874 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Tân Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương